

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ THI SÁT HẠCH CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN NĂM 2025 - LẦN 2

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1	TL01	Nguyễn Thế Anh	26/05/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2	TL02	Bùi Hoàng Anh	16/02/2001	96.25	Đạt	78.75	Đạt	Đạt	
3	TL03	Lê Duy Anh	18/02/2002	100.00	Đạt	82.50	Đạt	Đạt	
4	TL04	Nguyễn Tuấn Anh	28/08/1994	98.75	Đạt	76.25	Đạt	Đạt	
5	TL05	Nguyễn Tú Anh	05/10/1994	98.75	Đạt	82.50	Đạt	Đạt	
6	TL06	Phan Mỹ Anh	02/03/1988	97.50	Đạt	86.25	Đạt	Đạt	
7	TL07	Đỗ Thị Diệu Anh	01/04/2004	93.75	Đạt	95.00	Đạt	Đạt	
8	TL08	Hoàng Thị Hà Anh	03/11/1993	100.00	Đạt	97.50	Đạt	Đạt	
9	TL09	Lê Quang Anh	05/06/1980	85.00	Đạt	75.00	Đạt	Đạt	
10	TL10	Lê Thành Bắc	17/07/1965	95.00	Đạt	82.50	Đạt	Đạt	
11	TL11	Nông Thị Bích	17/09/1997	73.75	Đạt	97.50	Đạt	Đạt	
12	TL12	Nguyễn Đình Ca	26/02/1994		Không đạt	83.75	Đạt	Không đạt	Vắng thi
13	TL13	Bùi Đức Công	17/05/1986	91.25	Đạt	90.00	Đạt	Đạt	
14	TL14	Nguyễn Duy Cường	24/07/1954	80.00	Đạt	92.50	Đạt	Đạt	
15	TL15	Đặng Tiến Cường	07/01/1983	97.50	Đạt	81.25	Đạt	Đạt	
16	TL16	Bùi Tiến Đạt	06/10/2002	78.75	Đạt	87.50	Đạt	Đạt	
17	TL17	Đoàn Tiến Đạt	18/06/1997		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
18	TL18	Đỗ Quang Dậu	17/03/1969		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
19	TL19	Vũ Văn Diệp	19/06/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
20	TL20	Hoàng Thu Diệp	27/03/1981		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
21	TL21	Vũ Thị Đoàn	04/11/1983	90.00	Đạt	88.75	Đạt	Đạt	
22	TL22	Bùi Duy Đồng	20/10/1997	91.25	Đạt	97.50	Đạt	Đạt	
23	TL23	Trần Thị Kim Dung	28/10/1986	91.25	Đạt	85.00	Đạt	Đạt	
24	TL24	Tôn Toàn Dũng	29/09/2000	83.75	Đạt	80.00	Đạt	Đạt	
25	TL25	Đỗ Văn Dũng	10/07/1986	93.75	Đạt	76.25	Đạt	Đạt	
26	TL26	Hoàng Đức Dương	06/07/2003		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
27	TL27	Lê Thị Đào Dương	29/12/1976	88.75	Đạt	83.75	Đạt	Đạt	
28	TL28	Trịnh Quang Duy	01/01/2004	98.75	Đạt	86.25	Đạt	Đạt	
29	TL29	Nguyễn Thị Giang	01/01/1976	85.00	Đạt	76.25	Đạt	Đạt	
30	TL30	Nguyễn Thị Hân	10/07/1994	96.25	Đạt	85.00	Đạt	Đạt	
31	TL31	Nguyễn Xuân Hanh	17/06/1988	88.75	Đạt	83.75	Đạt	Đạt	
32	TL32	Nguyễn Thị Hảo	04/01/1998	97.50	Đạt	80.00	Đạt	Đạt	
33	TL33	Phí Đăng Hậu	23/10/1992	96.25	Đạt	86.25	Đạt	Đạt	
34	TL34	Nguyễn Thu Hiền	02/12/1993		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
35	TL35	Phan Thành Hiếu	08/08/1990	91.25	Đạt	83.75	Đạt	Đạt	
36	TL36	Trần Thị Hoa	28/09/1986	96.25	Đạt	92.50	Đạt	Đạt	
37	TL37	Vũ Thị Mai Hoa	20/09/1990	96.25	Đạt	95.00	Đạt	Đạt	
38	TL38	Lê Thị Hoa	29/12/1977		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
39	TL39	Nguyễn Thị Kim Hoa	12/02/1965	96.25	Đạt	88.75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
40	TL40	Nguyễn Thị Ánh Hồng	07/12/1982		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
41	TL41	Nguyễn Thị Hồng	30/12/1991		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
42	TL42	Mai Thị Huệ	10/05/1993	95.00	Đạt	88.75	Đạt	Đạt	
43	TL43	Nguyễn Văn Hùng	28/10/1993	97.50	Đạt	87.50	Đạt	Đạt	
44	TL44	Bùi Thị Hương	23/12/1988		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
45	TL45	Vũ Thị Hương	10/06/1991	97.50	Đạt	85.00	Đạt	Đạt	
46	TL46	Nguyễn Thị Hương	10/09/1963	96.25	Đạt	90.00	Đạt	Đạt	
47	TL47	Nguyễn Thị Lan Hương	08/04/1971	96.25	Đạt	85.00	Đạt	Đạt	
48	TL48	Đỗ Quỳnh Hương	30/06/2002	96.25	Đạt	80.00	Đạt	Đạt	
49	TL49	Hoàng Thị Hường	13/01/1991	97.50	Đạt	88.75	Đạt	Đạt	
50	TL50	Phạm Quang Huy	10/10/1991	97.50	Đạt	87.50	Đạt	Đạt	
51	TL51	Trịnh Văn Huyền	02/04/1978	96.25	Đạt	87.50	Đạt	Đạt	
52	TL52	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/04/1986	97.50	Đạt	82.50	Đạt	Đạt	
53	TL53	Lê Thị Kim Khánh	13/08/1981	98.75	Đạt	87.50	Đạt	Đạt	
54	TL54	Nguyễn Thê Khoa	04/03/1982	97.50	Đạt	77.50	Đạt	Đạt	
55	TL55	Nguyễn Thị Liên	22/02/1986	95.00	Đạt	81.25	Đạt	Đạt	
56	TL56	Cần Văn Linh	17/06/1988	97.50	Đạt	86.25	Đạt	Đạt	
57	TL57	Nguyễn Phương Linh	08/04/1984	93.75	Đạt	97.50	Đạt	Đạt	
58	TL58	Bùi Nhật Linh	17/12/1987		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
59	TL59	Nguyễn Gia Linh	06/07/2003	95.00	Đạt	83.75	Đạt	Đạt	
60	TL60	Phùng Bảo Long	23/02/2006	97.50	Đạt	80.00	Đạt	Đạt	
61	TL61	Nguyễn Quỳnh Long	17/02/1989	97.50	Đạt	76.25	Đạt	Đạt	
62	TL62	Doãn Hoàng Long	03/06/2000	97.50	Đạt	80.00	Đạt	Đạt	
63	TL63	Huỳnh Văn Long	24/10/1960	95.00	Đạt	75.00	Đạt	Đạt	
64	TL64	Nguyễn Xuân Lương	06/02/1972	97.50	Đạt	82.50	Đạt	Đạt	
65	TL65	Nguyễn Quỳnh Mai	12/08/1993	96.25	Đạt	88.75	Đạt	Đạt	
66	TL66	Trần Thị Ngọc Mai	05/08/1998		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
67	TL67	Nguyễn Đức Mậu	17/09/1958	80.00	Đạt	85.00	Đạt	Đạt	
68	TL68	Hoàng Công Minh	09/09/2000		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
69	TL69	Trần Thị Trà My	25/03/1977	82.50	Đạt	95.00	Đạt	Đạt	
70	TL70	Nguyễn Văn Nghĩa	22/07/1991	95.00	Đạt	83.75	Đạt	Đạt	
71	TL71	Nguyễn Văn Nguyên	28/01/1962	93.75	Đạt	86.25	Đạt	Đạt	
72	TL72	Ngô Đức Quốc	17/10/1992		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
73	TL73	Bùi Hồng Sơn	10/07/1998	92.50	Đạt	96.25	Đạt	Đạt	
74	TL74	Trần Thị Thanh	10/12/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
75	TL75	Nguyễn Đức Thịnh	14/04/1995		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
76	TL76	Nguyễn Thanh Thủy	25/11/2002		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
77	TL77	Nguyễn Thanh Thủy	30/07/1979	81.25	Đạt	72.50	Đạt	Đạt	
78	TL78	Ngô Thu Thủy	10/08/1987	81.25	Đạt	93.75	Đạt	Đạt	
79	TL79	Lại Văn Tiến	20/09/1988	76.25	Đạt	76.25	Đạt	Đạt	
80	TL80	Trần Minh Tiến	18/09/1985	92.50	Đạt	97.50	Đạt	Đạt	
81	TL81	Phan Thu Trang	24/11/1994	88.75	Đạt	91.25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
82	TL82	Nguyễn Thị Tú	10/10/1986		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
83	TL83	Lê Anh Tuấn	17/06/1998		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
84	TL84	Trịnh Thục Uyên	15/09/2005	93.75	Đạt	92.50	Đạt	Đạt	
85	TL85	Nguyễn Thị Phương Uyên	16/11/2003		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
86	TL86	Nguyễn Thị Hải Yến	20/11/2002	95.00	Đạt	91.25	Đạt	Đạt	
87	TL87	Nguyễn Giang Bích	02/09/1972	85.00	Đạt	95.00	Đạt	Đạt	
88	TL88	Hoàng Văn Bình	20/12/1989		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
89	TL89	Trần Đức Bình	01/09/1981	88.75	Đạt	70.00	Đạt	Đạt	
90	TL90	Bùi Quốc Đạt	01/01/1994		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
91	TL91	Nguyễn Anh Đức	05/02/1989		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
92	TL92	Trần Thị Kim Dung	19/01/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
93	TL93	Nguyễn Tiến Dũng	18/08/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
94	TL94	Vũ Thị Hằng	09/06/1997	93.75	Đạt	87.50	Đạt	Đạt	
95	TL95	Lê Thị Thu Hằng	21/06/1983	86.25	Đạt	92.50	Đạt	Đạt	
96	TL96	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/07/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
97	TL97	Bùi Đức Hiền	08/10/1984	78.75	Đạt	87.50	Đạt	Đạt	
98	TL98	Đỗ Thị Hồng	14/05/1996	92.50	Đạt	91.25	Đạt	Đạt	
99	TL99	Phạm Thế Hùng	03/02/2001		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
100	TL100	Lê Tiến Hùng	16/02/1997	92.50	Đạt	91.25	Đạt	Đạt	
101	TL101	Trần Thị Hương	12/02/1992		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
102	TL102	La Xuân Hưởng	13/06/1990	91.25	Đạt	85.00	Đạt	Đạt	
103	TL103	Nguyễn Văn Huy	30/08/1993		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
104	TL104	Phạm Thị Thanh Huyền	06/11/1999	96.25	Đạt	83.75	Đạt	Đạt	
105	TL105	Đỗ Thị Ngọc Huyền	01/11/2000		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
106	TL106	Bùi Đức Khương	22/10/1980	73.75	Đạt	75.00	Đạt	Đạt	
107	TL107	Đoàn Hồng Lam	18/06/1987	95.00	Đạt	100	Đạt	Đạt	
108	TL108	Phạm Ngọc Lâm	10/04/1979	98.75	Đạt	100	Đạt	Đạt	
109	TL109	Trịnh Thị Lịch	22/12/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
110	TL110	Phí Thị Thủy Linh	12/10/2005		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
111	TL111	Bùi Cẩm Linh	19/12/1990	92.50	Đạt	90.00	Đạt	Đạt	
112	TL112	Huang Chun Ming	19/12/1985		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
113	TL113	Trịnh Tấn Phát	26/09/2002	96.25	Đạt	91.25	Đạt	Đạt	
114	TL114	Hoàng Tiến Phúc	20/06/1985		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
115	TL115	Phan Thu Phương	14/09/1994		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
116	TL116	Phí Văn Quý	14/06/2005	96.25	Đạt	97.50	Đạt	Đạt	
117	TL117	Đoàn Hữu Quỳnh	15/06/1990	96.25	Đạt	90.00	Đạt	Đạt	
118	TL118	Vì Thị Ánh Sao	30/04/1987		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
119	TL119	Nguyễn Ngọc Thắng	13/09/1982	92.50	Đạt	92.50	Đạt	Đạt	
120	TL120	Hoàng Trọng Thanh	27/03/1983	93.75	Đạt	98.75	Đạt	Đạt	
121	TL121	Vũ Tiến Thành	19/02/1994	92.50	Đạt	92.50	Đạt	Đạt	
122	TL122	Bùi Thị Thành	10/12/1984	81.25	Đạt	92.50	Đạt	Đạt	
123	TL123	Hà Thị Hương Thảo	30/06/1990	95.00	Đạt	97.50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
124	TL124	Nguyễn Thị Thu	13/08/1977	95.00	Đạt	97.50	Đạt	Đạt	
125	TL125	Phạm Trần Minh Thu	27/05/1989	87.50	Đạt	92.50	Đạt	Đạt	
126	TL126	Phạm Thị Thu	26/08/2000		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
127	TL127	Ngô Anh Tú	14/10/1981	98.75	Đạt	90.00	Đạt	Đạt	
128	TL128	Nguyễn Tiến Tường	17/06/1974		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi